TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **100**/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 21 - 9 -2022
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận và ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXX - ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Hoàng Văn D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* chị Tô Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2022 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tô Thị T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 16/4/2014. Quá trình chung sống bình thường, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh và chị T không có con chung, anh chị đã chạy chữa tại các bệnh viện nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân không có sự chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn anh Hoàng Văn D vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai chị Tô Thị T trình bày: Chị và anh D tự nguyện chung sống năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 16/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, anh chị chung sống bình thường sau đó một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không có con chung, đã chạy chữa tại các bệnh viện nhưng không có kết quả, chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân không có sự chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh D yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý và đồng ý giải quyết vụ án ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Bị đơn chị Tô Thị T vắng mặt và có văn bản đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn D yêu cầu được ly hôn với chị Tô Thị T cư trú tại thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn chị T có văn bản đồng ý giải quyết vụ án ly hôn với anh D tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Anh D và chị T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn D yêu cầu ly hôn với chị Tô Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh D và chị T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, quyển 01/2014, ngày 16/5/2014 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước). Trong thời gian chung sống do vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân một khoảng thời gian dài. Trong thời gian sống ly thân anh D và chị T không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cho nhau, dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích. Như vậy, anh D và chị T đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa anh D và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay anh D yêu cầu ly hôn với chị T, tại biên bản lời khai chị T cũng thừa nhận toàn bộ mâu thuẫn giữa chị và anh D. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh D là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn D. Anh Hoàng Văn D được ly hôn với chị Tô Thị T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, quyển 01/2014, ngày 16/5/2014 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn anh Hoàng Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000493, ngày 13/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà